

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 7

PHẦN THƯỢNG

GIẢI THÍCH PHẨM TÍN GIẢI.

Có người dùng “Tín và Giải” đối nhau mà làm bốn câu: Độn căn chánh kiến thì Tín mà không Giải (hiếu); Lợi căn tà kiến thì Giải mà không Tín; Lợi căn chánh kiến thì có Tín có Giải; Độn căn tà kiến thì không Tín không Giải. Hai câu đầu dựa vào đâu mà được gọi? Nếu câu thứ ba đương nơi phẩm này, thì hoặc là căn cứ Tiểu thừa mà được nói như đây, không hợp giải thích đây. Nếu trong pháp chấp, kiến v.v..., thì Thanh văn khi lãnh giải hợp nhập thất địa, tại sao còn ở sơ tín tâm ư? Có người dùng thông đại địa, Tín số Tuệ số làm thể Tín Giải. Nay hỏi: Thể lấy nghĩa gì chỉ tâm sở ư? Như tâm sở này Thánh vị nhiếp ư? Hay phàm vị nhiếp ư? Nếu Thánh vị thì đại Thánh hay tiểu Thánh ư? Tiểu thì chẳng phải ý nay. Đại thì sâu cạn? Hướng chi nay nghe thật mà lãnh giải ư! Cho nên tín giải kinh này rồi nhập Sơ trụ thì chẳng phải Tiểu thừa tâm sở sở nhiếp. Nên một lệ, các thứ khác đều chuẩn theo đây.

Có người nói: Đối trước bảy dị (khác) không thành dị:

1) Sở từng (dị) khác; nay cho là không như vậy, hàng tam căn nghe lược đều sinh nghi động chấp, chỉ vì trước sau Tín giải đâu được nói Thân-tử tùy theo nghi? Trong đây từ chấp có nghi ắt có chấp; có chấp ắt có nghi, hướng chi nghi chấp danh thông mà phải giản Tiểu. Tiểu thừa nghi chấp kiến đạo đã trừ, sao ngăn cách hai tô vẫn phải xen nhau lập?

2) Rộng lược sai khác: Đây cũng không như vậy, chỉ văn khác nghĩa đồng, cho nên Thân-tử nói “Chẳng phải ma...” và thuật năm Đức Phật. Nói lược mà ý rộng, lẽ nào gọi là lược ư?

3) Viển cận sai khác: Đây cũng không như vậy, văn nghĩa đều đồng, chẳng những văn đây thuật trước đạo thọ, Thân-tử cũng thuật khi

xưa chấp tà kiến, cũng quá đạo thọ cho nên không khác.

4) Thông biệt sai khác: Đây cũng không như vậy, văn khác ý đồng. Thân-tử đã nói: “Chúng con không can dự”; lại nói “Chúng con đồng nhập pháp tánh”, lại nói: “Nếu chúng con đợi nói sở nhân”, lại nói “Chúng con không hiểu phương tiện”. Văn trình bày lỗi bốn độ nói..., lẽ nào có thuật được riêng biệt tại một thân? Đây tuy biệt nêu đứng đầu bốn vị Tăng lại hạn cuộc, vậy thì Thân-tử thông đến tất cả, Ca-diếp biệt tại bốn người. Nếu vậy thì chu đầu tại sao không thọ ký nhiều Thanh văn ư? Đáp: bốn chúng tám bộ tức là người kia.

5) Không luận.

6) Hoan hỷ sai khác: Đây cũng không như vậy, nếu nói một mình Thân-tử có lo trước mừng sau, trước nói sắp xếp... thì lo chung cho tất cả, cho nên biết vui mặc dù có trước sau, mà lo thì không có cấp bậc.

7) Nói một, bốn không đồng. Ý không như vậy, cũng như trước phá có dẫn luận Bà-sa nói: Thân-tử thượng, Mục-Liên trung, các người khác hạ; kia nói tợ đồng Tiểu thừa kia nay thật. Văn ý hoàn toàn sai khác, không thể đồng. Chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Tín Nhạo. Nghĩa kia tuy thông Nhạo (ư) mà không bằng Giải. Nay nêu lãnh giải, vì sao nói Nhạo? Nay chưa giải thích tên phẩm, tiện dẫn người xưa phê phán ý phẩm, giải thích đề lỗi chính là lý do làm mất ý văn. Trong đó, đầu tiên thông nêu ba thời, nói “Nhất vãng...”: là do trong phẩm này lãnh giải nay đủ từ đầu đến cuối, sau khi thoái thất Đại thừa lại dùng Tiểu thừa khởi phát lấy làm “Nhất vãng”, trung gian làm “đuổi theo”, sau cùng làm “Tất cánh”. Người xưa chỉ đắc danh ba thời, không hiểu ý kia. Nay làm năm thời thêm suy xét lãnh Pháp thân hóa, còn sợ không hiểu lòng Tứ Thánh, mà chỉ làm danh “Nhất vãng...” thì sao có thể hiểu rõ phẩm này? Cho nên, cần phải dẫn phá thì mới hiểu chánh lý. Tổng có sáu sư: Tăng-na, Trung Hoa dịch là Hoàng Thệ. Tiếp “Riêng cho là...”: là phá, đầu tiên tổng bài xích: Sách Thư nói: “Cắt dây tơ đầy tráp, không thể may làm dây lụa, ngọc vụn đầy hộp không thể mài giữa làm ngọc Quế Chương quý giá”. Các giải thích tạp, vụn không thể y cứ.

“Xét rằng nhất vãng...”: là biệt phá, vẫn trước là nêu đầu cuối, lược xuất đại chỉ, trung gian thì theo lệ có thể biết. Tiếp, trong chánh biệt phá, thì hai câu đầu dù cho phá, chính là chấp nhận câu thứ hai, thứ ba “nhất vãng”. Cho nên, lấy “nhất vãng” kia mà phá Sư đầu và Sư thứ năm. Tiếp, “Nếu Pháp Hoa...”: lại dùng Sư thứ năm nhất vãng đối thứ hai nhất vãng mà làm theo lệ. Tiếp “Lại, nhị thừa...”: dùng Sư thứ ba nhất vãng, phá Sư thứ nhất nhất vãng, trong đó trước đều phá. Tiếp,

“Nếu một phá một không phá...”: là lập theo lệ. Tiếp “Lại, cha con...”: là riêng phá Sư đầu Tất cánh. Xa thấy cha ngồi, tức gọi là thấy nhau. Gọi là Tất cánh (rốt ráo), thì thời Hoa Nghiêm giáo đã nên đặc thọ ký, tức Pháp Hoa không dùng. “Nếu hậu cánh...”: là đều đảo ngược, nếu sau đúng thì trước không còn dùng; nếu không còn dùng thì ngày xưa nghe Đại kết duyên không thành. Lại nếu Sư thứ hai, ba, tư lập Tất cánh (rốt ráo) đều tại Pháp Hoa, thì ý có thể như vậy. “Nhất vãng”, “đuổi theo” thì cận viển khó nương. Sư thứ năm “nhất vãng” đã đồng trước phá, “đuổi theo” “Tất cánh” chẳng phải giải thích Pháp Hoa, đâu có thể hiện tại nhất hóa ắt khiến đến nơi Kim Cang. Sư thứ tư, Ngài Chương An không phá chỉ là lược thôi! Kia nói nhất vãng ở nơi chuyển giáo, thì chuyển giáo trở về trước hướng đến chẳng phải nhất vãng, lấy gì đặt tên để đặc ngộ làm rốt ráo. Năm phẩm sáu căn lại chẳng phải “nhất vãng” cho đến “đuổi theo” đặt những tên gì? Nhưng các sư nói rốt ráo, đều không phá. Bốn vị trước và thứ năm phần nhiều đều đến Pháp Hoa. Nói đến Phật quả dù có lỗi Tiểu mà không có lỗi Đại, chỉ không thể quyết định dùng Kim Cang tâm làm cứu cánh đó thôi. Nay ý sư: “Nhất vãng...” là nói đợi đến hạ căn luận đời trước thì mới có thể thương lượng. Dùng nhân thiên thừa cho đến nói Đại tại thuở xưa cho nên từ xưa trở về sau đều gọi là “đuổi theo”, vì sao Sư thứ hai, ba, tư dùng ba vị ngày nay mà làm “đuổi theo”? Cho nên không dùng.

Tiếp, “Riêng cho rằng...”: là phá bản tích, nếu chỉ đây làm tích thì nên đã là bản môn động chấp, nếu dự định nói phẩm sau chính là trong đây thành hiển bản xong. Văn sau không dùng cho nên không thể. “Nay giải thích phẩm...”: nay ý lại luận về trung căn tín giải cho nên dùng năm trong mười nghĩa đầu của tam chu, mà phán xét ý kia. Phàm căn có lợi độ, tức trước chuyển căn, không chuyển căn cảm có dày mỏng, tức trước hoặc có dày mỏng. Nói có pháp thí trước thông biệt ngộ có trước sau tức trước ngộ không ngộ và ngộ có sâu cạn, các ý khác chẳng phải chánh, vì nghĩa ấy nên sở dĩ ba căn trước sau đều lãnh giải đầu cần nơi đây lập “nhất vãng...”

“Oản đậu”: Như nói chữ an đao là cắt khoét. Người Nhị thừa đối trước Pháp Hoa như sinh oán đậu (một loại đậu) dao đâm không vào. Chỉ niệm không vô tướng nguyện: Đương giáo kia nhập vô lậu môn cho nên thường tư duy. “Vui mừng hỗn hởi...”: Trong văn tuy dùng bốn chữ Tín v.v..., dùng đối Tín giải lấy làm Vị nhân, thiện đây ắt nhờ sơ hoan hỷ, hướng chi theo lý thiện sinh phá ác thâm hoạch chứng, viên dung tứ Tất-đàn đồng đời đều đặc tức phần chứng Đệ nhất nghĩa. Ba Tất-đàn

còn lại đương vị làm danh, tùy theo nhau nói là phần. Cho nên, tứ Tất-đàn đây phát ắt đồng thời chỉ dùng Tín giải đối Vị nhân cho tiện. Lại biệt nói đây chính là biệt trong. Trong đây vì sao Tứ tất đều thật? Do từ nghe pháp được hiểu, không đồng văn trước liệt chúng theo Tiểu thừa ba Tất-đàn tại sự, Đệ nhất nghĩa vẫn cần giáo phân, cuối năm thời mới biện rõ ý nay.

Tiếp, “Bẩm thọ Tiểu thừa...”: căn cứ giáo giải thích, đây muốn căn cứ vị để giải thích “Tín giải”, nên nêu đủ bốn giáo, chỉ tổng nêu nói bẩm thọ tiểu Đại giáo. Tiểu tức tam Tạng đại phải chỉ Viên. Lại lược trong hai thứ do Đại giáo tiểu giáo đều lập hai hành hai đạo, cho nên trước nêu tiểu. Tiếp “Chuẩn theo Tiểu v.v...”: lấy Đại vọng tiểu bèn phân hai chữ để thuộc hai đạo. Phá nghi cho nên nói “Tín”, tiến nhập gọi là “Giải”. “Tín” thông hai đạo, “Giải” chỉ ở Tu, cho nên nói Tu đạo gọi là “giải”. Nếu căn cứ ý đây, chỉ nên dùng Sơ trụ để làm Kiến đạo, bắt đầu Kiến lý, Sơ trụ gia công gọi là tu đạo y lý tu. Trong văn không nói Nhị trụ trở đi chỉ nói tiến nhập tức từ Sơ trụ ắt có tăng tiến. Cho nên các Thanh-văn nghe pháp rồi, sau phần nhiều nhập Tu đạo, nay từ biên hạn nghe pháp tăng tiến để nói cho nên gọi “Tín giải”, cũng như mười sáu tâm gọi là Tu đạo. Nếu xưa mật nhập thì đến đây rõ ràng hoàn toàn thành tu đạo, từ hiển lộ nói Tín giải đồng thời. Tiếp, “Văn nói...”: lại thông chứng nhập vị không phân tín giải. “Cận lãnh giải nhà lửa...”: Nghe Thí giải (hiểu) rồi ắt giải nơi Pháp, lẽ nào có ngộ sau mà lại mê trước? Vì vậy cho nên đều phải Pháp và Thí song lãnh.

“Tuệ mạng” có hai giải thích: Trước là giải thích theo Nhân duyên, Tiếp “Các tuệ...” là căn cứ Giáo. Ba, một đối biện từ sự hành sai khác, cho nên thuộc Nhân duyên. Phật mệnh chuyển giáo thuộc căn cứ giáo: Đây có hai ý, thuộc Thực-tô giáo. Đã gọi là căn cứ giáo đến Thực tô thời, ngấm thành Biệt nhân. Lại gọi là căn cứ giáo cũng nên đủ đối năm vị bốn giáo, tư duy có thể biết. “Ba đệ tử...”: là giải thích nghi, chẳng phải hoàn toàn không chuyển, mà luận nhiều ít đó thôi. Tân dịch gọi là “Cụ thọ”, “Cụ” không bằng “Tuệ”, “thọ” lẽ nào quá “mạng”. Thí dụ bốn phen: Trường hàng kệ tụng đều có tổng biệt, cũng có thể đều có Khai thí Hợp thí. Hai đường bốn phen đều có khai hiển. Nhưng trước giải thích hơn, tức ứng văn sau hai mươi hai phen. “Tâm phát” đến “ý”: Căn cứ đây chỉ do nghe Thí, tín sinh, nhập vị, tức Sơ trụ trở đi không luận Kiến Tu. “Ví như Thân-tử...”: “phát tâm hy hữu” là tâm lãnh giải, tức “từ tòa đứng dậy” là thân lãnh giải, “mà bạch cùng Phật rằng” là khẩu lãnh giải. Nên chú thích v.v..., là khiến như hương đối, đầy đủ như

Thân-tử lãnh giải kệ. Văn không có, là lược. Trình bày đứng đầu Tăng cùng ba lỗi không câu là thuật lỗi xưa. Lỗi thứ nhất: Chấp Tiểu lạm thì Đại pháp hoàn toàn thiếu, không bỏ tiểu do chưa biết khai ba, tự kiên cố thì Tiểu chấp chưa thay đổi, ủng hộ kia bèn mê nơi phép tắc Đại. Lỗi thứ hai: Một đời đoạn chứng nên tự khinh bỉ tuổi cao, bại chủng chưa đuổi trừ, vẫn còn thấy không kham nhậm. Lỗi thứ ba: Xưa mê ý nghĩa luống công chấp chánh vị, do đây cố tình cho nên Đại tâm khó phát.

“Cao nguyên...”: là dẫn thí dụ tự bài xích. Trước là thí dụ sau là hợp. Đã có đặc cho nên không câu. Kinh nói “chỉ nhớ nghĩ ba pháp...”: cũng có thể đủ y luận Câu-xá, xuất nêu mười sáu hành lấy làm sở từ. Mười sáu hành đối ba Không, như Chỉ Quán quyển bảy nói. “Hoặc chỉ” đến “Là đứng đầu Tăng không câu”: Do đứng đầu Tăng chúng cho nên ở Đại tiểu các tòa từ lâu đã nghe. “Vô lượng trân bảo”: Xưa Bát-nhã lãnh giáo nói là làm Bồ-tát, lẽ nào mong ở đây toàn được đồng ban cho? Trong cụm từ “Tư phát vân vân”, thì “vân vân” là: Nên như lễ thế gian muốn có sở quyết; phải trước hỏi han phát biểu. “Văn thí dụ chia làm năm”: Bắt đầu từ “thất lạc nhau”, tức kết duyên về sau, cuối cùng đến “đồng ban cho” tức khi nghe Thí dụ. Nếu hợp ý thứ tư và thứ năm lại thì chỉ thành bốn đoạn. Mười thí dụ mà Quang Trạch nói thì không ứng với văn nay. Văn trước nói: đối bốn người trái lia, lia phá Quang Trạch, trái bài xích các sư. Các sư tuy không tách làm mười thí dụ, mà đối với tướng đương văn lại cũng trái mở, đầy đủ như trước bài xích.

“Tây phương...”: Di-đà và Thích-ca, hai đức Phật đã sai khác, lẽ nào khiến Di-đà ẩn mặc y phục trân quý bèn khiến đức Thích-ca mặc y thô xấu? Đáng mạo đức Thích-ca không có y phục trân quý nào có thể che dấu, đức Di-đà duy nhất hình dáng thẳng diệ, hướng chí duyên đời trước biệt hóa đạo không đồng, kết duyên như sinh, thành thực như dưỡng, sinh dưỡng duyên khác, nghĩa cha con không thành xấu tốt phân đường, mặc cởi ngăn cách sai khác, tiêu kinh sự thiếu, điều thực nghĩa trái văn đương bộ vĩnh viễn không có ý chỉ đây. “Xá-na cởi mặc...”: Mê ở Xá-na không động mà đi. Di-đà mặc y xấu thô, các giáo không có văn, nếu luận Bình đẳng ý thú kia thì đâu có tự kiêu căng. Ví dù khác vì thân ta trở lại thành ta hóa, Ta lập hình tượng như người khác, bèn trợ tha duyên (khác), người không thấy hóa duyên liền loạn, cho nên biết luận kết duyên đều căn cứ ứng thân. Như nói “Ta xưa từng ở nơi hai vạn ức Phật...”, hướng chi mười sáu vương tử từ đầu đến nay cơ cảm tương thành tùy vận dụng phân giải, cho nên không thể dùng Di-đà làm đây biến đổi. Chẳng kết duyên nơi cõi mình: Xưa kết Đại duyên Tịch Quang

làm cõi, kỳ vọng tâm khế hợp pháp giới làm cơ, thoái Đại đến nay cơ cõi đều thất (lỗi). Nay lưu chuyển năm đường vọng bản làm tha. Phương tiện hữu dư còn chẳng phải cõi mình, hướng lại năm đường lưu chuyển ư! Nay cùng tử hiện ở trong năm trước lại dùng sở trụ vọng bản làm tha, từ lúc ấy đến nay thường ở trong tam giới cho nên nói “trụ lâu”. “Duyên đây” đến “trưởng thành”: trong căn cơ dần dần dày lại cùng chấp danh vẫn chưa trở lại ban đầu chỉ nói ba mươi. “Duyên đã...”: lấy khổ làm cơ, cho nên biết cũng ở trước tiểu hóa. “Đến” mà không biết cho nên gọi là “gặp”. Do xưa từng thấy cho nên gọi là “bản”. Khổ làm cơ: Đã thất Đại tiểu chỉ có sinh tử, ở trong sinh tử có cơ có thể phát, ngầm bầu vú thành Đại bi diệu ứng. Đại ứng còn sơ (sài), cơ lại đổi nơi khổ.

“Thứ nhất: khổ vì nhớ nghĩ đến đứa con bị thất lạc...”: Do nhớ con khổ, là tư duy các môn; nghĩ tìm được con nên vui, là lại tư duy một môn. Tuy lại song niệm, mà cả hai đều chưa có thể. Nay bỗng được tức từ bản chí nói sẽ tuyên bày Phật đạo lại nói một môn. “Con đã...”: là giải thích hai ý trên: thứ nhất, bỏ đại thiện mà nhập sinh tử cho nên nói không đảm đương. Trước giải thích môn trong thí dụ có nghĩa nhập, bởi do đây, cho nên động cha lo lắng giải thích ý thứ nhất. Lìa ý của cha các lời dễ dành tức vốn dùng viên môn thông, đương có nghĩa đặc, dự báo động cha vui giải thích ý thứ hai. “Thí dụ đầu như” đến “lãnh giải”: Thứ ba đầu kinh thuật lãnh giải không sánh bằng ý đây. Trong mười giới bảy thiện tiến thoái... thì Bồ-tát rất khó, do kiêm ba cho nên biệt nói. Bồ-tát còn vậy Phật giới vĩnh viễn tuyệt dứt. “Giải tâm không có sức” đến “trưởng thành”: xưa tu quán hạnh tuy quán lý tức mà chưa nhập Tương tự giải, không thể trừ trước, cho nên nói “không có sức lực”, nghĩa là như trẻ con. Thoái Đại về sau danh tự hoàn toàn mê, nghĩa như “dày nặng”, trong như huân thêm cho nên gọi là “bị” (gia bị). Đại vẫn chưa toại chỉ có thể trước tiểu, đại thiện sẽ toại gọi là dần dần muốn rõ, đây là dò tìm về sau nói.

“Đào thế (trốn đi)...”: Đức Phật lẽ nào bỏ chúng sinh, vì cách cho nên không thấy, nghĩa đương nơi “đào (trốn)”. Nói “Sinh tử ngũ dục lấy làm nước khác”: vì Đại Niết-bàn mới thành nước mình, cho nên lại lấy năm đường lưu chuyển làm nước khác. “Hoặc mười đến năm mươi năm”: Là tự thoái Đại đến nay thăng trầm bất định, cho nên chấp hoặc nói. “Ấu (trẻ) có hai nghĩa” đến “đam (đắm chấp) thuật nghĩa không trở lại”: Đầu nêu hai nghĩa “Thì không...”: là kết thành. Tiếp, “Thí dụ...”: là trong hợp thí nói kết duyên về sau. Một câu tổng hợp thông suốt hai câu dưới. Tiếp, “Đại giải...”: là hợp nghĩa đầu. “Còn có...”: là hợp nghĩa

tiếp. Do phát Đại đến nay ba hoặc toàn tại nghĩa như si. Giải tâm tuy mỏng mà ngầm giúp xa thắm nhuần. Mật lợi ích không nhẹ vì duyên chút ít nên khuất phục nói phước tàn, từ đó về sau chưa rơi vào ba đường ác gọi là “chưa gặp khổ”, chỉ bảo đảm đời vui cho nên chưa trở lại ban đầu. Tiếp, “Nay huân tập...”: ngược lại hai nghĩa trên. Văn đầu ngược lại nghĩa trước tiên. Đã có chút ít hưởng đạo có nghĩa đoạn hoặc, nghĩa tương tự khỏi si. “Gặp khổ...”: là ngược lại nghĩa kế trước, thâm nạp hạt giống bên trong cho nên gọi là “ngầm huân”, lại bị ngoại duyên trung gian kích động từ đó vì tế phát sinh. Lại do gặp khổ làm duyên giúp phát khởi, cho nên thiện ác hai đường mờ tỏ huân tập gia bị. “Hai thứ này làm cơ”: Nếu đời trước không có Đại duyên và trung gian Tiểu thuần thực, thì nhờ khiến gặp khổ cơ cảm không thành, chỉ do Đại Tiểu hai nghiệp ngầm huân tập thành cơ cảm Phật. Phật ở bản quốc (nước mình), nghĩa phải hưởng về nước. “Nếu do thiên nhân...”: Nếu không có Đại chủng, chỉ riêng nhân thiên thiện, thì không có nghĩa cảm Phật, không thể riêng vì nhân thiên mà Phật thị hiện tám tướng. Nếu có căn cơ xuất thế thì chư Phật Bồ-tát còn vào đường ác, hướng chi nhân thiên ư!

“Tại tam giới...”: Nêu rõ các con bình đẳng nhưng nếu Đại thiện chưa thuần thực thì dù sinh trong nhân thiên cũng chưa cảm Phật. “Nay Phật...”: vì có bài xích không đủ, chỉ Tứ kiến. Nêu rõ cơ thành thì cảm Phật, và Phật xuất thì cơ thành. Nếu thông luận cơ thì tuy thông mười pháp giới, mà cuối cùng ở mười pháp giới nhận lấy căn cơ xuất thế. Nay từ Biệt an trí Thông dùng hiểu rõ phẩm này, cho nên văn dưới nói phương Đông, Nam, Phạm văn nói “Một trăm tám mươi kiếp trống vắng qua không có Phật”, cho đến phương trên nói: “Ở trong vô lượng ức kiếp luống quá không có Phật”. Đức Đại Thông xuất thế nương ánh sáng mà đến. Phải biết trung gian đều nhờ ngầm gia bị. “Ở trong đó cầu chánh đạo...”: lấy chấp thường v.v... mà làm chánh đạo, lấy các thứ khổ hạnh làm trợ đạo. Tuy tư duy tà lý, mà có khả năng làm chánh cơ, do lâu xa Đại chủng đã huân tập gia bị. “Đại kinh nói: Đế quán bốn phương”: là Đại kinh quyển ba mươi nói như trong Hằng hà bẩy loại chúng sinh: Loại người thứ nhất: Vào nước liền chìm mất ví như Nhất Xiển-đề. Loại người thứ hai: Ra rồi lại chìm, có tin cho nên “ra”, không tu cho nên “chìm”. Loại người thứ ba: Ra rồi không chìm tức Nội phàm. Loại người thứ tư: Vào rồi chìm, chìm rồi ra, ra rồi trú; quán khắp bốn phương. Thân nặng nên chìm, có lực nên ra, quen nổi nên trụ, không biết chỗ ra. Cơ biến quán bốn phương, ví như Tứ quả quán Tứ đế. Loại người thứ năm: Vào rồi chìm, chìm rồi ra, ra rồi trú rồi quán phương,

quán phương rồi đi; sợ nên liền đi ví như Bích-chi-Phật. Loại người thứ sáu: Vào rồi liền đi, nơi cạn liền trú. Vì sao vậy? Quán giặc gần xa nên ví như Bồ-tát, không trú trong sinh tử cho nên đi. An tâm nên trú nơi cạn. Loại người thứ bảy: Liền đến bờ bên kia. ngoại đạo đắc độ đều do quán đế, cùng quán phương nghĩa đồng, cho nên tạm dẫn.

“Bản quốc như trên”: Trên lấy Phật cõi mình làm bản quốc, ngoài ra đều thuộc nước khác... “Văn dưới...”:

Hỏi: Thành nhà nói bên dưới và nước nói ở trên, có gì sai khác? “Tất cả...”: là muốn biện rõ đồng khác, lần nữa lại giải thích ra khỏi nước. “Tất cả Phật pháp” và “cõi Phật nói bên trên”, lời khác mà ý đồng, thành nhà cũng đều như vậy. Đoạn đức trở lại phải đầy đủ Phật pháp, đại bi cũng từ Đoạn đức mà thành, hai thứ này đều tóm thâu hết thấy Phật pháp. Chỉ căn cứ chọn cơ, dùng nước vọng thành, dùng thành so với nhà, nghĩa lập thừa đây, chỉ do hết thấy Phật pháp nghĩa rộng. Đoạn đức chế ngự ác tợ hẹp. Đại bi đối con lại gần, đồng là sở y của thật tuệ Trưởng giả, đồng được Ứng thân quyền trí thác gửi. Trước khi khởi ứng, căn cơ bám víu đây trước cho nên nói “đến nước thành...”, “dừng lại tại thành nước ấy...”. “Ở lại tại một thành trong nước đó...”: Lại dùng một phương một loại mà làm một người con, cho nên tiếp hợp nói không vì một (nơi) xứ, xứ ất ở người chỉ là đồng cư. Giống loại như người chưa thuần thực, vả lại dừng ở phương tiện, không phớt bỏ nghi thức hóa. Luận Bà-sa chỉ kia lấy làm các phương còn lại. Nếu nói căn cứ các phương còn lại thì lẽ ra chỉ mười phương quốc độ thiết lập sự giáo hóa ở mười cõi, đầy đủ như Diệu Âm. Luận Bà-sa đã nói vậy, các phương khác căn cứ theo đây. Trong đây vẫn còn tư duy cõi đồng cư này vì được nghĩa con tiện lợi.

Lại nói Hữu dư, nếu nói thù hình lục đạo sự thì không tiện vì sau lưu chuyển lẽ nào không như vậy ư? Nay cơ đã thân cận cần phải từ nghĩa hơn mà nói! Nếu vậy thì tại sao không nói tại Thật báo độ ư? Đáp: Về lý không phải không thể, nhưng Thật báo nghĩa đối lúc phát đại tâm nên thoái Đại về sau tư duy cơ Đồng cư, lại hiểu nghĩa chữ “trong” thuận tiện. “Xưa nói...”: là trình bày ý xưa. “Nay cho rằng...”: là phá. “Nay dùng...”: là chánh giải thích. Lại đối với Niết-bàn trong nước Hữu dư gọi là “thành trong nước”, cũng trụ trong Niết-bàn này, gọi đó là “dừng”. Lại y Niết-bàn đây mà làm chỗ ở, cho nên gọi là “nhà”.

Hỏi: Trước đáp hỏi nói rằng lấy thành đây làm Đoạn đức, lấy ở dưới đều làm từ bi, vì sao đến nay thì nói thành là nhà Hữu dư cũng y Niết-bàn đây?

Đáp: “Nước, thành, nhà” tuy có rộng hẹp sai khác, cũng đều là sở y Hữu dư không vượt qua Đoạn đức. Nhà này đối trần bảo, cho nên nói “thật cảnh”; nhà ở dưới đối căn cơ của con, nên nói từ bi. Cho nên biết nói vô duyên từ bi ắt cần bình đẳng với thật tướng, cho nên hai nhà nghĩa một, tùy sở đối mà thôi!

Câu trên đã nói tìm con không được, đã y cội Tự-thọ-dụng nhất thật từ bi. Tìm con không được, nên nay dừng ở trung gian tự tha, trụ nơi phương tiện. Trở lại dùng bản nương vào từ bi mà suy nghĩ ở con. Cho nên nước thì dân ở, thành thì chủ an, nhà vốn nuôi dưỡng tánh. Vì chưa nhập Viên, tức thất phương tiện, dân mang hình phương tiện, trụ Hữu dư kia tư duy cầu Viên cơ, cho nên ở kia hóa sự không bỏ, tư duy căn cơ cội Đồng cư nghĩa đó vẫn thành. Gia đã là nhà (xá), ở cội Hữu dư vận dụng Vô-duyên-từ cho nên nói “ở nơi đây”, do đó dừng ở nhà Vô-duyên-từ, khởi hai Ứng thân Thắng Liệt, Thiên Viên, nhưng kia chỉ nên dùng Thắng ứng. Nói Thắng liệt, thì Thắng ứng kiêm hai nơi, Liệt ứng thân thì chỉ tại Lộc uyển. Tiểu cơ nếu khởi lý thì sẽ hợp đến. Đầu cuối cả hai nêu rõ ràng, cho nên nói Thắng liệt. Đã nói năm người cội kia sinh đều là Bồ-tát, cho nên tám, sáu đến cội kia thì không cần Tiểu hóa. Dẫn đến Viên thật lẽ nào vẫn đắm trệ nơi thiên? Huân tập phương tiện phần nhiều mê nơi giáo. Chỉ Quán quyển bảy phân biệt tám, sáu... giáo đạo phải phế bỏ. Pháp Hoa khai hiển mới kham nổi nghe đây, Bồ-tát cơ thành sở ứng đâu sai khác. “Năm người” tức là bốn quả và Bích-chi-phật, từ bản lập danh, gọi là Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật. Đoạn tận mới gọi là “đoạn Thông hoặc”. hoặc là dùng Tam tạng Nhị thừa và Thông Tam thừa làm “đoạn Thông hoặc” đây cũng có thể như vậy. Tam tạng năm người tự nhiếp Thông năm. Thông giáo Bồ-tát trước gọi là Bồ-tát. Không thể lại nói đến kia đều là Bồ-tát. Nên biết toàn chỉ hai giáo Nhị thừa gồm Thông Bồ-tát. Nếu dùng bốn người ví như Thông Bồ-tát đều gọi là Bồ-tát, thì có gì không thể ư? Chỉ kia đối Thắng ứng nghĩa kia không thành, chỉ hai giáo Nhị thừa kia còn hồi tâm, Thông giáo Bồ-tát lẽ nào ứng thủ cứu? Nếu căn cứ sửa đổi quán thì Thông Biệt Bồ-tát đều phải phát tâm. Cho nên nói huấn dạy khiến tu học, thì không thể nói Biệt bởi vì năm người đây chứng đồng. Nếu như vậy Thông luận số người phương tiện thì nên nói chín: Tạng hai, Thông ba, Biệt ba, Viên một, không được nói là năm. Nay tạm đối Tiểu cho nên nói năm. “Đại phú” đến “vô lượng”: Cõi tuy Hữu dư thân cận nhà sở y mà không trái thật tướng. Nói “vô lượng”: là đầy đủ lực độ, “đại phú” là tổng xưng, “tài bảo” là biệt. Tuy phân tài bảo Bát-nhã dẫn dắt

năm độ mà đều thành thật, huống chi tất cả hạnh đều thành trân quý, cho nên nói “vô lượng”.

“Kim ngân...”: Đẳng cấp báu vật khác, tức các trợ hạnh đạo phẩm khác. “Báu” không ra ngoài bảy thứ, có thể thí dụ bảy khoa. Thế nên bảy khoa, sáu độ thâm nhiếp hết. Cho nên trong Đại Tập lấy ba mươi bảy phẩm làm bảo cự tổng trì của Bồ-tát, kia quý giá như bảo vật, sáng tỏ như đuốc (cự) lớn phá tan sự tối tăm. Đây đủ tất cả pháp gọi là tổng trì. Nói “Đại thừa”: Lẽ ra nói Viên thừa, văn tùy tiện đó thôi! Nói “Thiền sinh một trăm lẻ tám”: là đạt thật tướng thiền. “Tự nuôi dưỡng...”: là trí định đều có tự tha nay đủ, như trước giải thích.

“Đồng bộc (người hầu hạ)...”: Phương tiện Ba-la-mật căn cứ tự hành quyền mãn. “Khuất khúc...”: nêu quyền dụng lợi tha đều là công của đồng bộc. Như từ hạng áo vải bị sai khiến cộng đến địa vị giàu sang, đồng thành quyền bên trong thể. Sự lý không hai, nên đều gọi là “xứng”. “Căn cứ vị”: Hướng Thông căn cứ phương tiện chỉ nói đồng bộc. Từ địa vị Biệt phán xét nhiếp Tạng Thông Biệt, vọng thật vọng chánh, nghĩa tương đương hàng hạ tiện phục dịch. Thông luận cũng có thể thâm đặc nhân thiên, dùng phương tiện khác tức là ý này. Biệt Viên Thập địa: Vẫn còn giáo đạo cho nên lập danh Biệt. Do không có hai lớp Thập địa. Trước nay trong “đồng bộc” đã có Biệt tam thập tâm, nay vị “thần tá” là Viên tứ nhất tâm, kiêm thâm Biệt giáo Thập địa mà thôi!

“Tùy theo cõi...”: Ý giải thích thần tá (lại dân)... các địa vị sâu cạn. Thâm tóm đã nhiều gọi là “tùy cõi”, tuy đồng nhà Phật mà không thể không không có đẳng cấp. Sơ Thông đều là Thánh. “Tuy đặc...”: tức là Thập trụ đặc nhập Thánh vị, đồng chỗ vua ở cảnh cõi chân thật, mà địa vị lại thấp nhất. Đầu từ Thập hạnh, cuối đến như địa vị thần đều là Viên tiệm, cho nên cần phải dựa Viên giải thích. Tiếp, “Nhất tâm tam quán” đến “pháp Nhị thừa”: Tiếp nêu đồng bộc (tôi tớ) thần tá lại dân sở thừa, bởi vì sở thừa không ngoài các quán cho nên vậy. Tùy theo giáo dụng quán tức tương đương sở thừa, nhưng cảnh trí đây tuy tức tùy giáo mà đồng là Viên nhân sở dụng đốc thúc sai khiến. Tuy thông nhân quả mà không đồng trải qua địa vị, biệt biệt đương phần, cho nên nhân quả đây đều là Viên gia sở dụng. “Vô số”: Do đây các pháp này không ngoài quyền thật. Thần tá lại dân sở dụng thật. Đồng bộc... là sở dụng quyền. Đây cũng là nhất thể quyền thật, đều là sở hữu của trưởng giả. “Chẳng những...”: là kết nhiếp giải thích trước, không ngoài giáo quán. Giáo quán có nhiều, cho nên mỗi giáo bốn môn, mỗi môn có quán. Tuy là vô lượng mà chúng sinh được gia bị không dư. Hai chữ “nhập xuất”

trong văn có bốn giải thích: Ba giải thích đầu là tự hành, một giải thích sau là tự tha. Trong ba tự hành thì dùng song phi làm “nhập”, song chiếu làm “xuất”. Phen tiếp: Xuất nhập tương đối, bản tương tức. Gọi là “xuất nhập” cũng lại xen nhau đắ, cho nên trí thể đây xuất nhập xen nhau chiếu. Hai giải thích này căn cứ Tam đế mà nói. Tiếp “vô lượng...”: là căn cứ Nhị đế mà nói. Hai, ba khai hợp đầy đủ như Huyền Văn. Thứ tư, trở lại dùng thứ hai, ba trước, tự lợi hóa tha. Cho nên biết đây đều là Thánh vị, nghĩa tự tha bao hàm ý “giàu”, nên cần các giải thích. Đây là quán đế, lại chỉ tại Thật, đối Quyền nghĩa lập có gì không thể ư? Chỉ dùng hai đối bất nhị, nhị đã nhiếp Quyền, cho nên không nhọc. “Hành nơi phi đạo”: về lý thông ba cõi, ngoài pháp tánh đều gọi là phi đạo, từ pháp tánh mà xuất làm lợi ích cho chúng sanh trong ba cõi. Công quy về nơi Phật, cho nên gọi là trở về chính mình (quy kỷ). Đây chỉ là công quy pháp tánh Phật đạo.

“Khách thương buôn bán (thương cô cổ khách)...”: Lẽ ra nói chữ “mãi”, nghĩa là ở nơi mua bán gọi là “mãi”, thông vật gọi là “thương”. Nếu nói chữ “giá” thì chẳng phải chánh ý văn. Chẳng những đức Phật tự hóa chúng sanh vô biên, mà còn khiến Bồ-tát hóa cảnh cùng khắp. Bồ-tát hóa độ lợi ích cũng như giúp cho bản Phật. “Qua lại các nước”: đây đủ như các kinh nói Bồ-tát trong mười phương qua lại thọ lợi ích. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Tập cũng theo lệ kia. “Như thế gian...”: Thí dụ hưởng hai giải thích, khiến tha như Bồ-tát, cũng tự như hai thân. “Đầu tiên, bên trong hợp...”: Đầu tiên thông luận Đại ý. Tiếp, “Quán...”: nêu tà tuệ sở quán. Nói “Quán sát năm ấm...”: trở lại dùng tà quán, quán ấm đoạn thường. Dùng tà tuệ đây ngầm giúp chánh, trở thành nguyên do thấy Phật. “Khổ cảnh làm cơ”: Lại hưởng tà tuệ trợ chánh thành cơ, nhưng nhân khổ ngoại đạo ứng chiêu cảm khổ quả, cho nên nói “khổ cảnh”. Do đối chánh chủng huân tập tà tuệ tâm, cho nên được thành cơ cảm chánh tuệ Phật. “Niết-bàn thông bán mãn”: Danh đồng mà thể khác, đều hiện sở cứ, hóa vật danh khác mà cảnh Phật không khác, cho nên chỗ con đến hai nghĩa song thành. Cơ thuần thực, nếu chứng thì chứng cái mà cha chứng, gọi là “đến thành cha”. Đây chính là tiểu căn cơ trước bầu vú đại ứng nghĩa lập cùng tử rồi đến thành cha, cho nên khiến thành gọi là “Niết-bàn”. Đại tiểu cả hai đều đắ cho nên dùng “bán mãn” chung thấu tóm vật cơ. Cơ đã không đồng thấu cũng trước sau. “Cha hằng nhớ con...”: Trước tuy cơ dần dần bám vú Thánh, nay nêu Thánh dần thấu cơ, nghĩ hóa đạo nên nói “lo nghĩ”.

“Chưa từng hưởng đến người nói...”: Văn căn cứ hai ý để trình

bày nghĩa đây. Trước phương tiện, tiếp cõi đây. Đầu tiên, phương tiện: Trong phương tiện kia chẳng những chỉ có Địa tiên, Trụ tiên, mà còn có thù tích đấng Địa đấng Trụ, tức thần tá... lẽ nào hoàn toàn không biết cơ tánh cùng tử? Chỉ căn cứ cùng tử nói “Thời chưa đến”. Chủ bạn cùng nhau che Thật chưa thích nghi, Quyền từ căn cơ chúng sinh cho nên gọi là “không nói”. Do trong giới nội năm người đoạn Thông hoặc, tức chưa kham hiện rõ ràng nghe nói “như vậy”, cho nên không hướng đến thần tá... nói. Lấy làm thần tá mà ý tại đồng bộc. Trong đó chỉ Tiểu cho nên nói “không hướng đến”. Sở dĩ trong tâm tưởng giả đều nghĩ là con mình, nhưng từ cơ khác cho nên lập lấy Tiểu danh, dần dần dần dụ mới thành “thần tá”. Cho nên biết pháp thân vốn tự cao xa mà sáng suốt. “Lại từ khi xuất thế đến nay...”: là ý thứ hai: Dẫn nêu cõi đây giáo xưa hiển lộ chưa nói, đối đây che kia, cho nên gọi là “không nói”. Vậy thì trước lập nghĩa thắng Ứng, nghĩa kiêm hai nơi. Nói Liệt ứng để hợp căn cơ thiên lệch kia, cho nên nói là “không nói” thông đến bốn vị, trong bốn vị đầy đủ thần tá và đồng bộc... “Đã chẳng phải...”: là giải thích người Tiểu thừa trong ý thứ hai. “Như điếc câm...”: chỉ thời Hoa Nghiêm. “Hoặc hoa trước...”: chỉ thời Phương-đăng, nói “không kịp” tức kiêm nơi Bát-nhã, mà không mong cầu lấy tức việc kia. “Hoa trước...”: tức Thân-tử. “Khí bát” tức Không-sinh (Tu-bồ-đề). Cho nên phải biết rằng nói “không nói” thì có liên quan gì đến Pháp thân Bồ-tát?

“Tâm rất ăn năn...”: Là giải thích nguyên do xa, nguyên do xa tức là duyên không nói. Bởi do xưa khi kết Đại thừa chưa nhập tương tự. Cảnh tỉnh mình chê trách con cho nên nói không siêng. Do đây thoái đại mất sự điều phục thuần thực giữa đường, cho nên nói “không có dạy bảo”. Trái mình hướng đến người, Cho nên nói “trốn chạy”. “Trốn chạy” có ba nghĩa:

- 1) Cơ dứt ứng với từ chối.
- 2) Trái mình hướng người.
- 3) Ở nơi không nên ở, tức năm đường.

Cho nên khiến Như Lai vô duyên mà nhớ. “Giận con...”: là chuyên bài xích nơi con. Chẳng những hối việc mình sớm dứt cũng chính giận con cơ sinh đến nỗi khiến xa thừa theo chánh pháp ta, thân gần theo sáu trần khác. “Nội hợp...”: Vì luận thoát nạn phải tịnh sáu căn. Căn cứ lý thoái, phần nhiều tại trước ngũ phần vị để đối với vị Bát thoái. Lại dùng năm phẩm làm Thoái vị. Văn giải thích hối hận, phân đối tự tha, theo ý cũng có thể đều đối kia đây. “Kỳ hạn hóa độ...”: Căn cứ ý sau giải thích, tức ứng thế cho đến trước Pháp Hoa, cho nên nói “già yếu (lão

hủ)”. “Cũng không căn cứ đây...”: Là không căn cứ ứng hóa Thanh-văn. “Dận” là nổi nghiệp. “Nếu Thân-tử thọ quyết” đến “bất đoạn”: nghiệm biết thọ ký vì dẫn căn cơ chúng sinh. Quyền Thật đều như vậy cho nên nói “chúng sinh đời sau...”. Lại tu tịnh độ cùng chúng sinh kết duyên, khi Thân-tử thành Phật, khai quyền hiển thật thì Phật chẳng không đoạn nơi phương kia. Cơ duyên thành thực nơi cõi kia, trong đó cũng có chủng ở nơi Đức Phật Thích-ca, thoát quy về Thân-tử cho nên phải hội đây rõ ràng phát ngôn. “Nếu Thân-tử không thể hóa...” trở lại dùng không để giải thích có. Nếu Thân-tử tự không có căn cơ thành Phật, thì Thân-tử sở hóa sao được thành ư? Cho nên lấy đây hiển nay khiến có cơ sở. Kinh nói “chung một (khi chết)”: Là chỉ khi Niết-bàn. “Lại nghĩ...”: ý thứ hai: Trước nêu khổ mất con, vốn hiển tìm được con thì vui, cho nên kinh nói “Nếu ta gặp đặng con...”. Dùng hiện tại để nói vị lai, là nêu sinh linh giải thuận thực. Tổng thí dụ luận đủ Quyền Thật từ đầu đến cuối cho nên được song biện Thắng liệt hai ứng và dùng Liệt ứng hóa đạo từ đầu đến cuối. Cho nên, trong bản thí một hàng trước nói Thật, một hàng sau nói Quyền, huống chi khai sáu nghĩa Quyền Thật đối nhau. Từ “Pháp thí” đến “xen nhau nêu”: Cảm ứng đạo giao không trước không sau, chỉ tùy văn tiện xen nhau nêu một biên. Trước nêu không đồng. Tiếp, “Căn cứ Phật...”: căn cứ chúng sinh và Phật xen nhau luận như Chỉ Quán nêu trong ý cảm ứng. Trước phạm Thánh tương vọng xen nhau làm nhân duyên. Tiếp cảm ứng đạo giao tự tha phá rồi thì mới gọi là “bất tư nghi phát”. “Nay dùng văn tiện lợi”: Đây tuy có ba văn, lại y hai văn giải thích cho tiện, chẳng phải tức hai văn này khiến thấy có trước sau. Cho nên, phần đầu biệt thí lại theo phần sau thoái Đại ở thời ngũ trước, nên có ba văn.

Từ “Nguyên do thấy cha”... đến “triển chuyển (lần hồi đến nhà cha)”: Là do chán khổ... Tánh của hai thứ Kiến, Tu đều có nghĩa chán. Tu suy tìm lý, kiến yếu đui sinh đoạt độn. Các kiến xen nhau hưng khởi đều có thể suy tìm lý. Pháp “dung nhậm (làm thuê làm mướn)” là dùng sức để đổi lấy tài vật. Vốn khởi tà kiến lại mong thoát khổ. Tuy lại là tà cầu mà đã ngầm giúp cho chánh đạo. Cho nên, khiến thế gian chán khổ, bèn trở thành xuất thế thiện cơ. Thế đổi lấy xuất thế cho nên nói “làm thuê làm mướn”. Từ một đến một cho nên nói “lần hồi”. Nói “thiện căn”: Cũng là nghĩa có khả năng sinh, nên có lý chuyển đến. Cho nên nói: do đây bèn đến nhà cha. Không cầu mong mà hội, cho nên gọi là “ngộ” (gặp). Không là ý nhân nơi pháp thế gian bỗng cảm đến từ bi xuất thế gian, lại không là ý thế gian tà suy tìm mà sinh chánh kiến

cảm đến Phật. Lại không là ý trong Tiểu thiện mà ngấm vào Viên môn Đại thừa. Đại Tiểu hai cơ cùng bầu vú nhà này. Đại cơ chưa thuần thực, chính là thấy đó mà xa. Tiểu cơ cảm ứng khá gần nên đứng bên cửa mà trốn. Do đó từ Thoái từ Cuối nghĩa tương đương cả hai cùng bầu vú từ Bản từ Đại riêng tại nơi Viên, từ cận mà luận đàm căn cơ thiên lệch trước cho toại ý. “Nơi thấy cha tức bên cửa”: Trước thì ở nơi Đại Tiểu cùng bầu vú, nay mới riêng chỉ “bên cửa” do Tiểu cơ gần. Nói “Hai quán là phương tiện”: tức là Nhị biên đều có nghĩa được thấy, cho nên tổng mượn chứng. Nhị biên đều thiên, thiên chân rất hẹp. Từ “Chánh kiến có hai” đến “gọi là xa”: là trong chánh kiến lại phân đây làm hai: Gần tức các chúng Bồ-tát trong Hoa Nghiêm; xa tức Nhị thừa, cả hai đều chưa hợp chỉ ở bên cửa. Trong văn có hai giải thích: Trước cơ, sau ứng, đều gọi là “xa”. “Ngồi giường Sư tử”; là giải thích sở biểu: Về sự thì tòa Sư tử cũng không có hình dáng Sư tử, chỉ có sở biểu. Cho nên Đại luận nói: Đức Phật làm Sư tử trong loài người, cho nên chỗ Phật ngồi gọi là “tòa Sư tử”, điều Phật nói gọi là “Sư tử hống”. Các người Thanh-văn thuật lời Phật nói mà còn được gọi là “tác Sư tử hống”. Bộ tuy kiêm Biệt mà theo thẳng theo bản, cho nên gọi là “Viên báo”, đây chính là dùng bản của căn cơ. Cho nên từ đây trở xuống đây đều cần giải thích theo Viên giáo.

“Bảo kỷ (ghế báu)...”: một ghế đỡ hai chân, định tuệ sở y không sai khác, từ định gọi là đế, từ tuệ gọi là cảnh, đầy đủ như Chỉ Quán quyển ba nói. Cho nên hợp nói “Vô sinh định tuệ nương Chân như cảnh” tức sức định tuệ trang nghiêm pháp thân, từ sở gọi năng cho nên nói “Vô sinh định tuệ”. Nói “nương Chân như cảnh”: Dựa cảnh thành tựu quán nên gọi là “nương”, quả thể khởi dụng lại gọi là “nương”. Lại từ nhân mà nói, thì nhân tánh có tu cho nên gọi là “nương”. “Xưa nói...” là nêu giải thích của người xưa, hơi giống như nghĩa Biệt, chẳng phải là cái mà nay dùng, chuẩn theo lệ để biết cho nên không cần phá. Tiếp, “Xưa nói kinh này...”: là xưa có bốn lỗi:

- 1) Pháp thân không phải thường.
- 2) Tha phương vì đây.
- 3) Lấy ứng làm pháp.
- 4) Đối diện trái giáo.

“Nay cho rằng...”: trong phần phá nói “cha con...”: Cha con ví như cơ ứng, trước là thí dụ sau là pháp. “Mặc, cởi” ví như thể dụng, đầu là pháp sau thí, cả hai đều không thành, vì “nghĩa mặc cởi” sai khác. Văn trước đã phá.

Từ “Lại không chấp nhận...”: lại phá phương khác tự có ba tiết. Sự đây cũng dùng tha phương là Di-đà. Nếu dùng thân tôn đặc (tôn trọng) làm Di-đà thì đây có ba (thất) lỗi: Đại tiểu hai cơ đều tại Phật nay, chính là thành thấy y xấu làm bầu vú đây, thấy chuỗi anh lạc làm bầu vú Trưởng giả kia. Kết duyên cũng như vậy. Lại, ngày xưa Đại tiểu hai duyên đều tại đức Thích-ca, nay thân tôn đặc, y xấu đều tại Di-đà lại thật đáng cười! Cho nên ý thứ ba lập nạn càng khó. Xưa duyên Đại tiểu nhất định tại Phật nay, lẽ nào ứng ngày nay song ứng phương khác? Lại sao được Đại ứng tại cõi kia, Tiểu ứng tại cõi đây? Ý thú bình đẳng nghĩa cũng chưa thành, đầy đủ như trước phá.

“Nay nêu rõ...”: là chánh giải thích: Đây tức nối tiếp trước giải thích từ Phật ứng thế đến nay. Cho nên, biết Thắng ứng tại Hoa Nghiêm. “Nay kinh...”: là phá không phải thường trụ. Người xưa đều nói: “Niết- bàn nêu thường, Hoa Nghiêm pháp giới, Pháp Hoa không nêu”, tức là không hiểu bộ loại “Kiêm, Đăn, Đối Đới”. “Cấu y (y xấu)”: chính là trình bày xưa nói; xưa còn không nói y xấu, tại sao có thường trú? Từ “Sở thuyết pháp tướng” đến “không khác biệt”: là nay ý kinh kết hội từ đầu đến cuối. Giả sử luận pháp tướng như kia Viên thuyết, thì nay chẳng phải hoàn toàn không có mà vẫn tướng có lược. Trong bộ Hoa Nghiêm không ngoài bốn mươi hai vị, y chánh tự tại gần thiện tri thức. Kinh nay nêu vị, đầy đủ như mưa bốn thứ hoa. Khai thị ngộ nhập; tri thức đầy đủ như các phẩm Quan Âm, Diệu Âm, Dược Vương, Nghiêm Vương; y chánh đầy đủ như phẩm Phân Biệt Công Đức, Bảo Tháp, Thần Lực, chỉ có lược rộng có chút khác, nêu một ước lệ cho nhiều. Cho nên, bên dưới văn sơ nêu mười nghĩa biện rõ sai khác, đầy đủ như nói mười phương, có chỗ nào không nhiếp? Lý thật tướng không sự nào không thấu! Lẽ nào mê rộng lược mà mất Đại thể? Tổng như Huyền Văn nói Thập diệu dẫn các văn để chứng minh, tức tướng kia. Người không thấy điều đó, thì vọng sinh bỏ chọn. Cho nên, kinh này nói “Không, vô sở hữu...”: là nói Thật tướng các pháp. Thấy Phật thường tại bình đẳng với người cõi này không hủy báng các sự. Lâu nhà các thứ trang nghiêm, chúng sinh đủ thứ dạo chơi trong đó, cho đến tích môn nhân quả các tướng. Phần nhiều người lấy văn Hoa Nghiêm để tiêu kinh, tính toán thông suốt chưa đứng ở kinh điển này là hàng đầu lấy cho phân tán ở các kinh. Nếu Đại bản mất, thì uống luận Tiểu lợi. Từ: “Cư sĩ” đến “tức tam thập tâm”: giữa đường dừng trong đó lấy “dân” làm Thập trụ, “thần” làm Thập địa, nay cư sĩ là dân, do văn hẹp nên không phân thần... cũng Viên bốn mươi một vị vậy. Từ : “Chân châu” đến “Pháp thân”: đều là cứu cánh

giới Lăng Nghiêm định Nhất thiết chủng tuệ Pháp âm Đà-la-ni trang nghiêm Viên nhân bốn mươi một địa. Địa là đối tượng bước lên, thân là chủ thể bước lên. Tứ là năng nghiêm, thân là sở nghiêm. Nếu dùng nhân xa cũng dùng sơ tâm viên giới định... để nghiêm tánh đức. Nếu từ nhân nói thì cũng là phục sức của bốn mươi một vị đến quả, đồng đều trang nghiêm pháp thân cùng tột.

Nói “giá trị”: Có sang, hèn nên như các vị. “Lại, dân...”: Trước nói “vây quanh” thì không nói “lại, dân”. Nay nêu đứng hầu thì cùng “tôi tớ” chung hạng cho nên biết lập danh tùy nghĩa không thể nhất định. Vốn thí dụ sự lý sao được như ôm cây đọi cỏ, nên trước dùng “lại dân” tại Thật, nay đây “lại dân” Quyền nhiếp. Cho nên, tại đồng khác hai môn, bỏ qua chi tiết là đồng, đương phần là khác. Vậy thì, đồng là đồng thể, khác là khác thể. Khác thì căn cứ thiết lập Quyền, đồng thì dựa theo khai hiển, chỉ một lại dân mà nghĩa đương thuộc hai. “Nội cùng...”: Là giải thích chữ “đồng”, đồng từ bên trong đồng được tên, bên ngoài đồng làm hiển bên trong. “Dụ như...”: là dụ hai nghĩa trước, cũng như quan lại hiền lành thì bên trong ứng ý chủ, bên ngoài dùng sai khiến, cũng như yếu thần bên trong thì làm bầy tôi của nước, bên ngoài thì làm chủ lớn của dân. Thể thần không riêng sở đối không đồng.

Hỏi: Trong đây tuy là tòa Hoa Nghiêm, “Thắng ứng tướng trạng” cùng “trước giữa đường dừng” nghĩa ý phần lớn đồng, vì sao trước dùng “nô tỳ (đồng bộc) làm Biệt giáo Hiền vị, “lại dân” làm Viên giáo Thánh vị ư?

Đáp: Nói tuy có chút khác mà ý cũng không khác, tùy cách nói kia bèn thuận tiện để hiểu kinh, vì ngoài đồng bộc ở trước còn có thần... bốn thứ nên biệt phân. Trong đây chỉ nói: “lại, dân, đồng bộc” chung làm một vị vì làm đối tượng sai khiến. Lại, ý ở đây đoạn Biệt hoặc, tức nhập Địa, Tru, chẳng phải người sai khiến. Lại, đây cùng dừng lại trong thành, tuy tức đồng mà là tha thọ dụng báo.

Đây đã thị nhập Nhãn giới làm Bồ-đề tràng, làm khởi đầu các giáo, cho nên thêm như thế để phá bụi trần “bạch phát”, che phủ lấy từ bi làm “bảo tướng”. Trước trình bày chỗ ở, sở hữu của trưởng giả, nay nêu sở kiến sở hữu của cùng tử. Sở hữu đã đồng rộng lược chuyển dụng. Trong cụm từ “Đứng hầu vân vân” thì “vân vân” là: Trong nay vì là phương tiện trung đạo, đều thích hợp Địa tiền để giải thích “lại dân”, giữa chánh, hai bên, dân, chủ sai khác, căn cứ theo bộ nên nêu rõ thứ lớp và không thứ lớp, cho đến hai giáo, giáo chủ không đồng, đều có nghĩa “đứng hầu, quét bụi” khác nhau. “Các hoa phan đẹp thông

xuống”: Tứ nhiếp hiện thân thông lợi hạ gọi là “thùy”; tuy hoa và phan đều rũ xuống mà hoa trang sức cho phan như thân thông có tứ nhiếp, người thấy thì sinh hoan hỷ. Lại tuy phan và hoa đều động mà được danh xử sai khác. Phan đặc biệt dịch chuyển, hoa thì căn cứ đoan trang tốt đẹp. Thân thông hạ hóa khiến chúng sinh vui thích, vận hai thứ này, ắt là thượng đẳng vô duyên, cho nên đều như “trướng” treo lơ lửng, dụng xứng nơi thể như che khắp trên Phật. “Hương thủy...”: Nếu căn cứ tự hành thì như giải thích thứ hai. Nếu không dùng “nước thơm tưới lên đất”, thì trướng, phan hoa bị vấy bẩn bụi trần nên dùng nước trí hương tưới đất thật tưng, trị sạch tam hoặc trần thì Như Lai trướng giả Từ... đều tịnh. Nếu căn cứ giải thích đầu thì nước thơm tưới đất tâm Bồ-tát. Đã từ lợi tha tu nhân để giải thích, cho nên biết bảy thứ tịnh phải từ nhân Bồ-tát hạnh để giải thích, danh tuy đồng tiểu mà đây tức Viên giáo. Cho nên, nêu tam tụ và Lăng-nghiêm... Nếu y phương tiện thì tùy giáo nghĩa biệt. Nay y Viên tâm đều do bảy thứ đây ban khắp các địa. Tự hành thì hành nay, khiến tha tu nay, cho nên trong văn đều y Viên giải thích.

“Trung bày la liệt...”: Hoa tiêu biểu nhân nghiêm, báu tiêu biểu quả đức, nhân quả vạn đức đều nghiêm thật lý cho nên khiến la liệt bày đều tại nơi đất. Đất chẳng phải là hoa báu mà bày khắp hoa báu, lý chẳng phải nhân quả mà tu chứng nhân quả. “Xuất nạp: như trước giải thích vân vân”: chỉ bốn lớp trước, chỉ vì trước thì chỉ tại quả nay có thông nhân. “Tướng hải (biển)”: Toàn chỉ Hoa Nghiêm phẩm Như Lai Tướng Hải và dùng phẩm Tùy Hảo Quang Minh trong đó nêu rõ Tỳ-lô-giá-na đầy đủ mười Liên-hoa-tạng thế giới hải vi trần số tướng, mỗi mỗi đều dùng diệu tướng trang nghiêm, cho nên nói: “cần giải thích theo nghĩa Phật Xá-na”.

“Thấy cha sợ tránh”: Cha con thấy nhau tuy ví như cảm ứng đạo giao bất khả tư nghì. Nhưng nếu căn cứ hóa sự tiêm giáo để luận, thì nói “Cha trước thấy con” là Như Lai quán xét căn cơ, đạo lý như đây. Nay nói “Con trước thấy tướng cha và xứ...”: chẳng phải tức đã thấy mà đều là căn cứ cơ ứng, thuật đủ đầu đuôi nguyên do thọ hóa. “Hoặc là vua, hay bực đồng vua”: Đã nói thấy cha sợ tránh tức tại sơ giáo đốn tiêm. Nếu căn cứ trước đốn tiêm thì chưa có nghĩ sợ ma, căn cứ tiêm cơ đối Đại thì luận “sợ tránh...”, cho nên nói “chưa từng thấy nghe...”. Từ “Lược khai” trở xuống: là dùng sau để nghiệm trước, nghiệm trong khả năng của xưa, đầu tiên cho Đại thì quá sức Thân-tử khi nghe Phật lược thuyết, cho nên nói: “Quá sức ngày nay”. “Lại nữa...”: là lập lại

giải thích ý. Căn cứ tiểu thừa lúc ấy lẽ nào biết hai thân? Cho nên thuật trong căn cứ không thọ, cũng như cùng tử thấy vua hoặc bậc đồng vua. Hỏi: Pháp thân là thầy của Báo, sư đệ nghĩa khác biệt vì sao nói là ngang đồng?

Đáp: Đây đồng là con của thầy như Pháp, Báo tương xứng. “Các kinh phần nhiều gọi là Kinh vương...”: Lần nữa lại căn cứ Giáo mà giải thích. Các kinh có nêu nghĩa Pháp thân tức gọi là Kinh vương. Trí kế hợp pháp tương xứng gọi là bình đẳng. Cho nên trong căn cứ cơ đối pháp đối trí, gọi là “vua, bậc đồng vua”, tức các bộ Đại thừa cùng Tiểu thừa đối nhau. Người đời không hiểu thấy các kinh Đại thừa xưng là Kinh vương, bèn cho rằng kinh Pháp Hoa đồng các giáo kia. Nay cho là nhũ và hai tô đều luận Pháp Báo, tuy đều xưng vua mà chẳng phải vua của các kinh.

Dù có kinh nói: “Vua của các kinh”, nhưng không thể nói từ xưa đến nay đương thuyết pháp đệ nhất tối thắng. “Kiêm, Đăn, Đối, Đối” nghĩa kia có thể biết. “Tư” là phóng ra, phô bày ra. “Khi đó ông trưởng giả giàu...” là “thí dụ thấy con”: Nhưng các Thanh-văn trước lập thí dụ con thấy cha, ví khéo dụ lãnh Tiểu gặp Đại mà trong căn cứ không thọ. Nay lập thí dụ cha thấy con, là diệu dụ lãnh Phật thấy căn cơ mà không mưu tính nhưng thường biết rõ. “Thấy con, xử lý”: Như Lai chẳng khởi Không tòa mà hoan hỷ thích hợp nguyện. Cho nên chỉ căn cứ hóa nghi mà nói cha thấy con. Lẽ nào dùng Phật nhãn mà Phật đợi con thấy rồi sau cha mới thấy ư? “Nay cơ đến xứng hợp lòng Từ”, Đại Tiểu đều đặc gọi là “lai xứng”. “Kia nêu rõ cứu khổ...”: là phẩm Thí Dụ, cũng nên nói Thí dụ trước thì Như Lai ban Từ, sợ chúng đọa khổ. Đây dụ các con lãnh thọ nhận đức Phật ban vui. Như Lai cứu khổ vốn ở ban vui, con lãnh thọ lạc rồi biết cứu khổ. Hai nơi nghĩa đồng, tùy văn xen nhau nêu ra. “Liên suy nghĩ rằng” đến “bất đặc”: đây cũng thuật từ nơi thoái đại đến nay. Đã nhập ngũ trần, Đại pháp không phù hợp để trị, tìm mưu tính dùng Tiểu, Tiểu lại liền đến. Nay cơ tiệm đến mới thi thiết Tiểu hóa. Nói “dùng Tiểu”: tức không phải cho rằng thời xưa đã đặc nơi tiểu, cũng chẳng phải đời nay mới dần dần đến Tiểu. Cho nên, ngày xưa không gọi là “cơ đến”, thì có ai đâu để luận trao của cải? Cũng không hoan hỷ, cho nên chỉ nói “xưa thấy muốn cho bình đẳng...”. “Ngày nay” đến “có người để giao phó”: thấy Tiểu căn cơ đến, thì biết cách Đại chẳng xa. Cho nên, mừng vì chúng là chỗ để giao tài sản.

“Ta thường...”: là giải thích trước nay thoái Đại về sau, trước đốn tiệm không có thời nào mà không tư duy Đại Tiểu nhị hóa. Tuy Đại

Tiểu đều lỗi, mà vì để lưu chuyển đối với tâm bi, nên khiến ngày nay giao phó tài sản có nơi. “Nay có căn cơ đáng độ sinh...”.

Hỏi: Căn cơ sinh (là) do Phật, sao nói tự đến ư ?

Đáp: Tuy cơ sinh là do Phật cảm mà cũng do chúng sinh. Lại, nhờ vào Trưởng giả thế gian tán thán con tự đến, tức xưa thì cơ không sinh nhưng nay thì có thể phát, vì tán thán cơ phát nên nói là “tự đến”. Nếu cơ vẫn còn sinh thì truy tìm cũng không đến, sao có thể tự đến! “Ta tuy...”: là dò xét nói hy vọng về sau. Hoặc như một kỳ báo thân sắp dứt, không có người giao phó nên tiếc. Như xương diệt độ pháp đều tùy diệt, thị hiện diệt vẫn còn tiếc, cho nên gọi là “tuy”.

“Liên sai người hầu bên cạnh...”: Từ đây mới lãnh thi thiết đốn tiệm hóa, cho nên biết trước lúc ấy thí dụ đốn, trước tiệm hoặc Đại hoặc Tiểu. “Chỉ vì phẩm Phương Tiện” đến “đều lãnh giải”: Ý nói văn tuy giảm, ý ắt đều tồn tại. Phẩm Phương Tiện đã vì thượng căn cho nên không cần biệt nói, Thí thuyết đã vì hàng trung căn cho nên cần phải tách tổng ra biệt. Trong hợp và tụng tuy lại thiếu lược mà dùng thí dụ làm chánh, còn lại đều kiêm xen nhau. Nay đã lãnh thí, cần phải thuật khắp. Nói “Chỉ vì phẩm Phương Tiện tổng răn, khuyên v.v...”: sợ người suy tìm lộn xộn nên lập lại sơ nêu xuất. Trong chương Thích-ca ở văn phẩm Phương Tiện, chỉ nói “nghĩ Đại thiết lập Tiểu”, tuy không nói khuyên răn sai biệt mà ý nói tại khuyên, cho nên nói “trong ba tuần tư duy các việc như vậy”; tức là dự định cho Đại vậy. Các căn chúng sinh độn, tức không có cơ. Các loại như đây, tức thôi hóa. Tức đến Ba-la-nại... tức thiết lập Tiểu. Tuy không nói răn mà nghĩa bao hàm hai môn. “Nhà lửa khai khuyến xuất giới”: trước đây theo pháp thuyết tại Khuyến khai Giới, giải thích đều có ba. Trong Khuyến môn có ba: Đầu tiên nói “Trưởng giả tư duy rằng...” là dự định thích nghi. “Lại tư duy rằng nhà...” tức không có cơ duyên. “Hoặc đương đọa lạc...”: tức buông bỏ. Trong Giới môn có ba: Đầu tiên nói: “Ta sẽ vì nói...” tức dự định thích nghi. “Cha tuy thương xót...”: tức không có duyên. “Đông Tây ruổi chạy...”: tức buông bỏ. Trưởng hàng hợp Khuyến, không hợp Giới. Trong Khuyến có ba: Đầu tiên nói: “Như Lai lại tư duy rằng: Nếu ta chỉ dùng...” tức dự định thích nghi. “Vì sao vậy? Vì các chúng sinh chưa tránh khỏi...”: tức không thọ. “Như Trưởng giả kia tuy lại...”: tức thôi hóa. Nói “Thôi hóa văn rộng”: Trước trình bày trước sau ba thí dụ. Tiếp mới dùng ba hợp chánh nêu rõ thôi hóa. Đầu tiên, “Như trưởng giả kia”: Là trình bày đầu không đắc một thí, chánh nêu rõ thôi hóa. Tiếp, “Chỉ do ân cần...”: là thiết lập Tiểu. “Rồi sau đều cùng ban...”: là đồng

ban cho. Hai thí dụ này là phụ, hợp nghĩa thôi hóa. Tiếp, “Như Lai cũng lại...”: mười sáu chữ, đầu tiên là chánh hợp thôi hóa cho nên nói rộng.

Trong kệ chỉ nói Giới (răn): Cùng đầy đủ có ba:

1) “Mới thích nghi cứu giúp...”: Xuống bốn hàng rưỡi là tụng dự định thích nghi.

2) “Các con không biết xuống...”: ba câu tụng ý không thọ.

3) “Hy hý...”: một câu tụng thôi hóa.

Từ đây trở xuống dưới thuộc văn dùng xe. Đây tụng văn thí thì đầy đủ có ba. Chỉ tụng trong hợp cũng chỉ hợp Giới (căn). Có một hàng văn trường hàng và tụng văn tiến thoái hai giải thích. Đầu tiên giải thích cũng đầy đủ có ba. “Tuy lại dạy bảo”, một câu: Dự định thích nghi. “Mà không tin thọ” một câu: Không có cơ duyên, “Ở các dục nhiễm” hai câu: Thôi hóa. Lại nói: “Hoặc có thể...”: hai câu cũng tụng ý không có cơ duyên. Ý giải thích thứ hai, cho nên nói “không tụng thôi hóa”. “Liên sai người hầu bên cạnh...”: là nêu điều lãnh thọ, nhưng nghĩa thì có sáu, văn chỉ có năm: Trước khuyến, giới đều có hai nghĩa là dự định thích nghi và không có cơ duyên. Tiếp, Khuyến và Giới hợp nhất, tức hai môn thôi hóa.

